TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên, bà Nguyễn Thị Nhàn

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1995; nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Anh Từ Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Từ Văn T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương năm 2016. Vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng

ngày 27/9/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn Thành Công, xã Tiền Phong. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2022, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T chơi bời cờ bạc nợ nần và không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi anh T chơi bời chị và gia đình hai bên có giải thích và khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Giữa năm 2022 chị chán nản đã bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ ở một thời gian để cho anh T có thời gian suy nghĩ và nhìn nhận lại bản thân, sau đó vì thương con chị lại tiếp tục về sống cùng anh T. Mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng từ tháng 02/2024, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vẫn do anh T không tu chí làm ăn, vẫn chơi bời cờ bạc chị khuyên bảo không được nên bỏ về gia đình mẹ đẻ ở thôn Bói, xã Thượng Lan, thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang ở đến nay. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ ở thì gia đình anh T có gọi điện bảo chị về, còn bản thân anh T thì không gọi chị về đoàn tụ gì. Giữa chị và anh T có liên lạc điện thoại với nhau nhưng cũng chỉ liên quan đến vấn đề chăm sóc con cái. Vợ chồng chị chính thức sống ly thân nhau từ tháng 02/2024 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Từ Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/3/2017 và Từ Minh K, sinh ngày 31/8/2019. Hiện nay cháu K đang ở với chị, còn cháu Quỳnh A đang ở với anh T, các con đều khoẻ mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Từ Minh K, anh T nuôi dưỡng cháu Từ Thị Quỳnh A. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Từ Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị H lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong năm 2016. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nuôi dậy các con. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và trầm trọng, vợ chồng anh sống ly thân từ đầu năm

2024 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, các con còn nhỏ nên anh không muốn chia rẽ các con.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Từ Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/3/2017 và Từ Minh K, sinh ngày 31/8/2019. Hiện nay cháu K đang ở với chị H, còn cháu Quỳnh A đang ở với anh, các con đều khoẻ mạnh phát triển bình thường. Anh không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Tài liệu chứng cứ thu thập được:

+ Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2024, ông Thân Văn P là trưởng thôn Thành Công cung cấp: Anh T là công dân thôn Thành Công kết hôn với chị Đỗ Thị H, được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương khoảng năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong. Cưới xong chị Hiếu về sống cùng gia đình anh T ở thôn Thành Công. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, sau phát sinh mâu thuẫn từ khi nào, nguyên nhân do đâu thì ông không biết do anh T, chị H đi làm công ty từ sáng đến tối mới về. Đến khoảng đầu năm 2024 ông không thấy chị H sống cùng anh T nữa, nghe nói chị H đã đưa con về sống cùng bố mẹ đẻ ở thị xã Việt Yên. Nay chị H xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2024, ông Từ Văn C và bà Nguyễn Thị Q cung cấp: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh T là bố mẹ chồng chị H. Năm 2016 gia đình tổ chức cưới cho anh T, chị H theo phong tục tập quán địa phương và anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong. Cưới xong chị H về làm dâu và sống cùng gia đình ông bà. Anh T, chị H chung sống hòa thuận từ khi kết hôn đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Đầu năm 2024, mâu thuẫn trầm trọng hơn do anh T mải chơi, uống rượu về đuổi chị H đi, sau đó chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thị xã Việt Yên sống. Gia đình ông bà có khuyên bảo, động viên chị H về đoàn tụ cùng anh T để nuôi dậy con cái nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H xin ly hôn anh T, ông bà đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng hai con về đoàn tụ, trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ

chồng anh T, chị H có hai con chung là cháu Từ Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/3/2017 và cháu Từ Minh K, sinh ngày 31/8/2019. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông bà đề nghị giao cháu Quỳnh A cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng. Qúa trình chung sống chị H, anh T không có tài sản chung, nợ chung.

+ Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

+ Ngày 04/7/2024, Tòa án mở phiên tòa nhưng anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Từ Văn T. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung cho chị và anh Từ Văn T nên cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Từ Văn T sinh sống và cư trú

trên địa bàn xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Từ Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị H và anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Từ Văn T kết hôn ngày 27/9/2016 tại UBND xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã Tiền Phong cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Theo chị H vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc nợ nần và không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn của vợ chồng trở nên trầm trọng vào đầu năm 2024, do anh T không biết tu chí làm ăn, vẫn ham chơi, cờ bạc, chị H không khuyên bảo được nên bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T. Còn anh T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nuôi dậy con cái nhưng anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, các con còn nhỏ nên chị H xin ly hôn anh không đồng ý. Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng anh T đều không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt tại các phiên tòa xét xử, mặt khác trong thời gian chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở thì anh T cũng không đến động viên và đón chị về chung sống đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Từ Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/3/2017 và cháu Từ Minh K, sinh ngày 31/8/2019. Hiện nay cháu K đang sống chị H, cháu Quỳnh A đang sống cùng anh Thuận, các con đều khoẻ mạnh phát triển bình thường.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai của cháu Quỳnh A thì cháu Anh có nguyện vọng muốn sống cùng anh T và ông bà nội. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K và đề nghị giao cháu Quỳnh A cho anh Thuận nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt của các con được ổn định và theo nguyện vọng của các con, cần giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Quỳnh A cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[7] Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự không có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Từ Văn T.

2.2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Từ Minh K, sinh ngày 31/8/2019; giao cho anh Từ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Từ Thị Quỳnh A, sinh ngày 19/3/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự không có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005615 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND xã Tiền Phong;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thủy